

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101491 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 27/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2016)

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ



HueWACO

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, Phường Phường Đức, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế

Điện thoại: (84-234) 3.815555

Fax: (84-234) 3.826580

Website: [www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6275 3844

Fax: (84-24) 6275 3816

Website: [www.aseansc.com.vn](http://www.aseansc.com.vn)



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	4
1.1. Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch .....	4
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	6
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.4. Quá trình tăng vốn của công ty: .....	9
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	9
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	13
3.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 06/06/2018 .....	13
3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty .....	14
3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	14
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	14
5. Hoạt động kinh doanh .....	15
5.1. Sản xuất và kinh doanh nước sạch .....	15
5.2. Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai, sản phẩm nông nghiệp thủy canh.....	15
5.3. Chuyển giao KHCN ngành nước; sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước .....	16
5.4. Lập Dự án đầu tư, tư vấn thiết kế và xây dựng công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn ...	17
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....	18
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	19
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành .....	19
7.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	20
8. Chính sách đối với người lao động .....	20
8.1. Số lượng người lao động trong công ty.....	21
8.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi .....	21
9. Chính sách cổ tức .....	22
10. Tình hình tài chính .....	22
11. Tài sản .....	25
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	39
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch.....	42
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh .....	42
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty .....	43
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	43
III. PHỤ LỤC .....	55



**DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ**

Bảng 1:	Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/06/2018 .....	13
Bảng 2:	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 06/06/2018 .....	14
Bảng 3:	Một số dự án, công trình cấp thoát nước tiêu biểu .....	17
Bảng 4:	Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm .....	17
Bảng 5:	Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm .....	18
Bảng 6:	Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh.....	18
Bảng 7:	Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện .....	19
Bảng 8:	Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/05/2018 .....	21
Bảng 9:	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	23
Bảng 10:	Số dư các quỹ.....	23
Bảng 11:	Cơ cấu nợ vay .....	23
Bảng 12:	Các khoản phải thu .....	23
Bảng 13:	Các khoản phải trả .....	24
Bảng 14:	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	25
Bảng 15:	Giá trị TSCĐ hữu hình tại thời điểm 31/12/2017 .....	25
Bảng 16:	Tình hình đất đai, nhà xưởng.....	26
Bảng 17:	Giá trị tài sản dở dang dài hạn .....	38
Bảng 18:	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Công ty .....	39
Bảng 19:	Phương án tài chính thực hiện kế hoạch SXKD .....	39
Bảng 20:	Danh sách HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng .....	43

**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

- ❖ UBND : Ủy ban nhân dân
- ❖ HueWACO : Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế
- ❖ Asean Securities : Công ty cổ phần Chứng khoán Asean
- ❖ Công ty : Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế
- ❖ HWS : Mã chứng khoán Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế
- ❖ TNHH NN MTV : Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên
- ❖ BKS : Ban kiểm soát
- ❖ CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ❖ CNDKDN : Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- ❖ ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ❖ DTT : Doanh thu thuần
- ❖ HĐQT : Hội đồng quản trị
- ❖ TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- ❖ TSCĐ : Tài sản cố định

**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

**1.1. Giới thiệu về Tổ chức đăng ký giao dịch**

- ❖ Tên công ty: **Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế**
- ❖ Tên tiếng Anh: **Thua Thien Hue Water Supply Joint Stock Company**
- ❖ Tên viết tắt: **HueWACO**
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký: **876.000.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ đồng)**
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: **876.000.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu tỷ đồng)**
- ❖ Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trương Công Nam – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- ❖ Ngày trở thành công ty đại chúng: **27/07/2017**
- ❖ Trụ sở chính: **Số 103 Bùi Thị Xuân, P. Phường Đức, thành phố Huế, tỉnh TT. Huế**
- ❖ Điện thoại: **(84-234) 3.815555**
- ❖ Fax: **(84-234) 3.826580**
- ❖ Website: **[www.huewaco.com.vn](http://www.huewaco.com.vn)**
- ❖ E-mail: **[info@huewaco.com.vn](mailto:info@huewaco.com.vn)**
- ❖ Logo Công ty:



**HueWACO**

- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101491 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh TT. Huế cấp.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: sản xuất và kinh doanh nước sạch.	3600
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: - Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai - Kinh doanh nước uống I-on kiềm - Sản xuất nước uống Linh Chi.	1104
3	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai.	4633

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Kinh doanh nước uống I-on Kiềm - Kinh doanh nước uống Linh Chi.	
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, nhựa,.... Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước.	2599
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước - Thực hiện liên kết kinh doanh, làm: nhà phân phối, đại diện, đại lý các sản phẩm vật tư, thiết bị, công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	4659
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ. Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình thoát nước đô thị và nông thôn.	7490
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. - Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật - Tư vấn chuyên giao kỹ thuật giảm thiểu nước không doanh thu - Tư vấn và chuyển giao công nghệ xử lý nước - Tư vấn và chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.	7110
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.	4290
9	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn, chuyển giao cấp nước an toàn và ngon.	7020
10	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.	2392



STT	Tên ngành	Mã ngành
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng.	4663
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ thi công các công trình cấp thoát nước và các phương tiện vận tải khác.	7730
13	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.	6209
14	Sản xuất khác Chi tiết: Chế tạo công nghệ xử lý nước.	3290
15	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của đồng hồ đo nước lạnh.	7120
16	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa cây cảnh	0118
17	Trồng cây ăn quả	0124

**1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch**

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: HWS
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 87.600.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành: 100%
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 2.336.500 cổ phiếu, tương ứng 2,67% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, là số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của người lao động mua ưu đãi theo năm cam kết. Thời gian bắt đầu hạn chế chuyển nhượng từ ngày 31/12/2016, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 3 năm theo cam kết của từng người lao động và số lượng cổ phiếu của nhà đầu tư chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng 5 năm kể từ ngày 31/12/2016, quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 13 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế.
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài:
  - Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư hướng dẫn số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/06/2018 để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0% vốn điều lệ Công ty.

### **1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tiền thân là Nhà máy nước Huế được xây dựng dưới thời Pháp thuộc vào năm 1909. Quy mô ban đầu của hệ thống cấp nước do Nhà máy nước Huế quản lý bao gồm: Trạm bơm cấp một Vạn Niên nằm ở tả ngạn thượng nguồn sông Hương, bể chứa, lắng, lọc đặt ở đồi Quảng Tế. Công suất thiết kế đạt 2.500m<sup>3</sup>/ng.đ; với tổng chiều dài đường ống mạng phân phối từ D50 - D400 khoảng 15km, trong đó có 1,7km ống D400, chủ yếu cung cấp nước các công sở, người Pháp và một số công chức người Việt Nam trong bộ máy cai trị và nhà giàu.

- **Thời kỳ 1909 – 1925:** Công suất cung cấp nước thời kỳ này đạt 2.500 m<sup>3</sup>/ng.đ; với tổng chiều dài đường ống khoảng 15km.
- **Thời kỳ 1926 – 1945:** Cuối năm 1925 đầu năm 1926, Nhà máy được nâng cấp và mở rộng, lắp đặt thêm 20km ống gang từ D50 đến D300, nâng tổng số chiều dài đường ống phân phối lên 54km và nâng công suất nhà máy lên 3.700 m<sup>3</sup>/ng.đ.
- **Thời kỳ 1946 – 1975:** Đây là thời kỳ Nhà máy nước không phát triển nhiều, thậm chí có lúc sản xuất bị đình trệ do hậu quả của chiến tranh. Năm 1956 nhà máy nước Dã Viên được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước cho thành phố, công suất thiết kế 9.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hệ thống đường ống được mở rộng thêm nâng tổng số đường ống lên 57km từ D50 - D400, đến năm 1975 sản lượng nước thương phẩm đạt 1,8 triệu m<sup>3</sup>/năm, với 5.121 điểm đầu nổi chính.
- **Thời kỳ 1976 – 1992:** Năm 1975 nhà máy nước Huế trong tình trạng máy móc thiết bị cũ kỹ, công nghệ lạc hậu và bị hư hỏng nặng do hậu quả của chiến tranh, đã được khôi phục, cải tạo nhà máy nước Vạn Niên, trạm bơm Dã Viên và khu xử lý nước Quảng Tế, thi công 58 km đường ống cấp nước, đưa nước sạch cung cấp cho nhà máy sợi Thủy Dương, nhà máy Đông lạnh Sông Hương... nâng tổng công suất khai thác từ 9.600 m<sup>3</sup>/ng.đ (năm 1976) lên 30.000 m<sup>3</sup>/ng.đ (năm 1990). Sản lượng nước thương phẩm tăng từ 1,8 triệu m<sup>3</sup> (năm 1976) lên 5 triệu m<sup>3</sup>(năm 1990), tuy vậy, diện bao phủ còn thấp chỉ mới cấp được 32% dân số của thành phố Huế, 15% dân số với toàn tỉnh, hầu hết, đường ống cấp nước đã quá hạn nên chất lượng nước không đảm bảo, tỷ lệ thất thoát trên 45%.
- **Ngày 16/12/1992,** Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định số 878/QĐ/UB đổi tên Xí nghiệp nước Huế thành Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. Ngày 11-01-1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định số 61 công nhận Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước

hạng 1, đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của công ty.

- **Thời kỳ 1993 – 1998:** Được sự tài trợ và vay vốn của Chính phủ Pháp và vốn đối ứng trong nước, Công ty đã mở rộng hệ thống cấp nước Huế, xây dựng một nhà máy xử lý nước mới 27.500m<sup>3</sup>/ng.đ (giai đoạn I tại Quảng Tế II), trạm bơm Vạn Niên II có công suất 120.000m<sup>3</sup>/ng.đ, lắp đặt thêm 170 km đường ống gang dẻo của Pháp, là đơn vị điển hình toàn quốc về sử dụng vốn ODA. Cải tạo và nâng cấp nhà máy Dã Viên 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhà máy Quảng Tế 1 từ 20.000 m<sup>3</sup> lên 30.000 m<sup>3</sup>/ng.đ,
- **Năm 2003,** tuyến ống cấp nước sạch đã đến trung tâm của 71/150 phường xã trên toàn tỉnh, cấp được nước máy cho 373.028 người, đạt tỷ lệ 33,8% so với dân số toàn tỉnh, riêng thành phố Huế đạt 87%.
- **Thời kỳ 2004 – 2014:** Năm 2004, nhân kỷ niệm 95 năm thành lập, Công ty đã thực hiện thành công dự án nâng cấp nhà máy Tứ Hạ từ 4.000 lên 12.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong năm này, Công ty áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (năm 2004). Năm 2007 là đơn vị đầu tiên ngành nước được chứng nhận phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia ISO/IEC 17025, Năm 2014 đón nhận chứng chỉ ISO 14.001 về môi trường.
- **Tháng 12/2005,** theo Quyết định số 3979/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế được đổi thành Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. Tháng 6/2005 Công ty đưa dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Hòa Bình Chương (giai đoạn 1) vào hoạt động cấp nước cho 3 Xã Phong Hòa, Phong Bình và Phong Chương.
- **Năm 2009,** kỷ niệm 100 năm thành lập, Công ty đã thực hiện thành công dự án Quảng Tế 2 nâng công suất từ 27.500m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 82.500m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đồng thời, Công ty công bố cấp nước an toàn trên toàn tỉnh, được Tổ chức Y tế thế giới công nhận là đơn vị đầu tiên công bố cấp nước an toàn tại Việt Nam. Năm 2012, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy Lộ An, Lộ Trì với công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp nước cho Thị trấn Phú Lộ và 5 xã phụ cận.
- **Năm 2014,** công ty tổ chức kỷ niệm 105 năm thành lập, 5 năm công bố cấp nước an toàn, 10 năm thành lập Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, công bố ISO 14001 và ký hiệp định vay phụ 35,16 triệu USD với ADB và Bộ Tài chính, đồng thời khánh thành nhà máy nước Phong Thu là nhà máy an toàn và ngon đầu tiên của Công ty.
- **Đến tháng 12/2017,** công ty đã có 30 nhà máy và 30 trạm tăng áp với tổng công suất thiết kế gần 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (gấp 33 lần so với năm 1975). Sản lượng nước thương phẩm năm 2017 đạt trên 47,2 triệu m<sup>3</sup> (đứng thứ 8/87 công ty cấp nước trên toàn quốc). Hệ thống phân phối nước từ nội đô đã vươn lên các thị trấn thị tứ, vùng sâu, vùng xa băng qua vùng đầm phá ven biển, miền núi, đã đến 135/152 phường xã, nước sạch đến các vùng nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước. Hệ thống đường ống đã vươn dài trên 3.700 km (gấp 65 lần so với năm 1975). Đến năm 2017, Công ty đã có 250.000 khách hàng (đứng thứ 5/87 công ty cấp nước trên toàn quốc),

80% người dân toàn tỉnh được sử dụng nước sạch, trong đó dân đô thị đạt 96%, riêng tại thành phố Huế đạt gần 100%, nông thôn là 77,6%. Các chỉ số đánh giá của hệ thống cấp nước Công ty hiện nay đều đạt và vượt yêu cầu so với tiêu chuẩn đô thị loại 1.

(\*) Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế đã từng bước tiến hành các công việc cần thiết để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo Quyết định số 1929/QĐ – UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hóa.

- Ngày 21/10/2016, UBND Thừa Thiên Huế đã ra quyết định số 2510/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế đã thực hiện bán đấu giá 9.050.800 cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/11/2016, với giá đấu thành công cao nhất 10.000 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất 10.000 đồng/ cổ phần và giá đấu thành công bình quân 10.000 đồng/cổ phần.

- Ngày 19/12/2016, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Ngày 31/12/2016, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101491, đăng ký lần đầu ngày 27/12/2005, do Sở KH&ĐT tỉnh Thừa Thiên Huế cấp với vốn điều lệ là 876 tỷ đồng.

- Ngày 27/07/2016, Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5190/UBCK-GSDC của UBCKNN.

- Ngày 21/12/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 232/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 87.600.000 cổ phiếu.

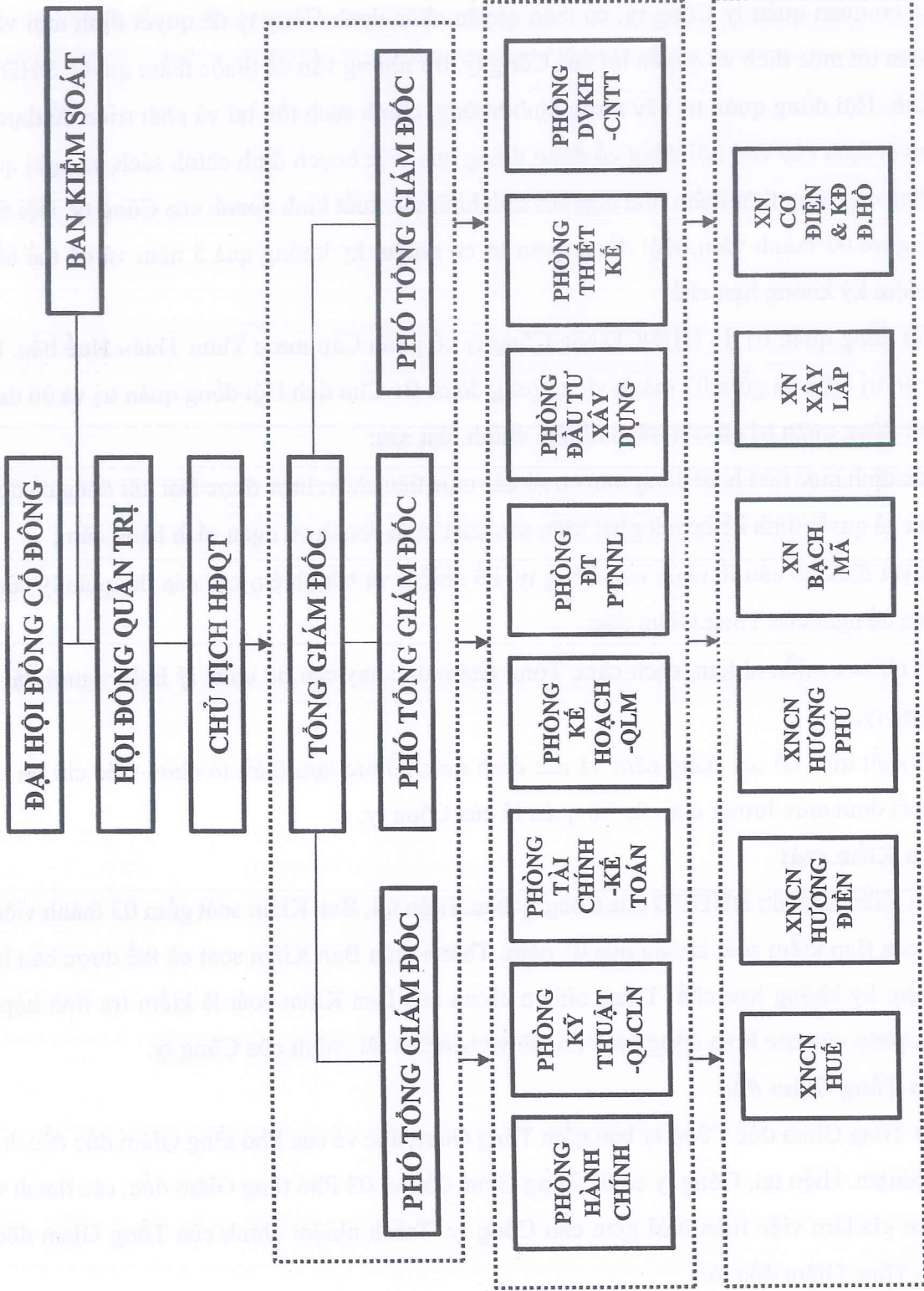
#### **1.4. Quá trình tăng vốn của công ty:**

Kể từ thời điểm chuyển thành công ty cổ phần (01/01/2017), đến nay Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu, do đó mức Vốn điều lệ được giữ nguyên là: 876 tỷ đồng.

#### **2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 19/12/2016.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: HueWACO

**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

**❖ Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế bầu. Hội đồng quản trị hiện tại gồm 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 06 thành viên. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức và quyết định mức lương của cán bộ quản lý của Công ty.

**❖ Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty.

**❖ Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó tổng Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty. Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;

## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

### ❖ Các phòng ban chuyên môn:

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp được Hội đồng quản trị phê duyệt. Các phòng ban chức năng bao gồm:

- Phòng Hành chính
- Phòng Kỹ thuật – Quản lý Chất lượng nước
- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Kế hoạch – Quản lý mạng
- Phòng Đào tạo Phát triển Nguồn nhân lực
- Phòng Đầu tư Xây dựng
- Phòng Thiết kế
- Phòng Dịch vụ Khách hàng – Công nghệ thông tin

### ❖ Các Xí nghiệp

- Xí nghiệp Cấp nước Huế
- Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền
- Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú
- Xí nghiệp Bạch Mã
- Xí nghiệp Xây lắp
- Xí nghiệp Cơ điện & Quản lý và kiểm định đồng hồ

### 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

#### 3.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 06/06/2018

Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày chốt danh sách 06/06/2018 để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/06/2018**

STT	Họ và tên	Số cổ đông	Số cổ phần	%/VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	577	87.560.500	99,95%
	Tổ chức	5	76.357.900	87,17%

STT	Họ và tên	Số cổ đông	Số cổ phần	%/VDL thực góp
	Cá nhân	572	11.202.600	12,78%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	<b>39.500</b>	<b>0,05%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>577</b>	<b>87.600.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày chốt danh sách 06/06/2018*

### 3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 06/06/2018 như sau:

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại 06/06/2018**

TT	Tên cổ đông	Giấy ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	% sở hữu
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế		Số 16 Lê Lợi, thành phố Huế	61.330.000	70,01
2	CTCP Nhựa Đồng Nai	3600662561	KCN Biên Hòa, Đường số 9, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	10.090.909	11,52
	<b>Tổng cộng</b>			<b>71.420.909</b>	<b>81,53</b>

*Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày chốt danh sách 06/06/2018*

### 3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. Vì vậy, Công ty không có cổ đông sáng lập.

### 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

- ❖ Danh sách công ty mẹ: Không có
- ❖ Danh sách công ty con: Không có



❖ Danh sách công ty liên doanh liên kết: Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Sản xuất và kinh doanh nước sạch

Với quy mô hiện tại gồm 30 nhà máy sản xuất nước sạch trực thuộc, tổng công suất thiết kế đạt trên 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Công ty luôn đảm bảo cung cấp đủ nguồn nước sạch, an toàn phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020.

### 5.2. Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai, sản phẩm nông nghiệp thủy canh

#### ✓ *Nước uống đóng chai Bạch Mã*

Nước uống đóng chai Bạch Mã là sản phẩm nước uống tinh khiết cao cấp được sản xuất từ nguồn nước chất lượng cao của HueWACO.

Sản phẩm được sản xuất bởi một đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ và dày dạn kinh nghiệm trong ngành nước, cùng với dây chuyền công nghệ hiện đại của Mỹ, hệ thống lọc thẩm thấu ngược RO, than hoạt tính, tiệt trùng hai lần bằng tia cực tím và Ozone nên đảm bảo độ tinh khiết cao.



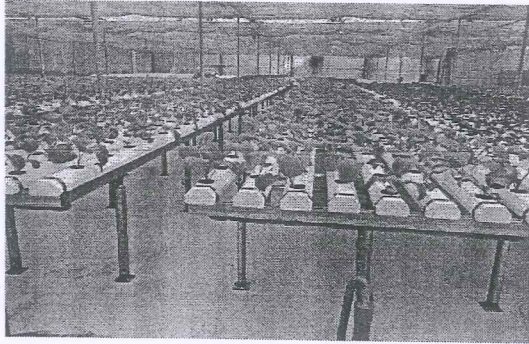
Nước uống đóng chai Bạch Mã là sản phẩm nước uống được tinh lọc luôn đảm bảo hương vị thiên nhiên, ngon, ngọt, tinh khiết, nhờ được quản lý chất lượng bởi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và kiểm định chất lượng tại Trung tâm hóa nghiệm với trang thiết bị hiện đại, được chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025.

#### ✓ *Nước uống I-on kiềm, công nghệ Nhật Bản I-on Health*

Nước I-on kiềm được đánh giá là dòng nước cao cấp vì đây là loại nước được ưa chuộng tại các khách sạn cao cấp ở Nhật và cũng là loại nước đang rất phổ biến và được cả thế giới ưa chuộng. Mỗi năm có khoảng 2 tỷ lít được tiêu thụ tại Nhật và nhiều tỷ lít khác được tiêu thụ trên khắp thế giới. Nhân dịp chào mừng Festival Huế 2016, HueWACO đã cho ra mắt sản phẩm nước uống cao cấp I-on kiềm mang thương hiệu I-on Health.

Nước uống cao cấp I-on kiềm được sản xuất dựa trên công nghệ điện giải tiên tiến của Nhật Bản. Đây là công nghệ đã được cấp bằng sáng chế độc quyền và được giới khoa học đánh giá là một trong những phát minh vĩ đại, sáng chế quan trọng bậc nhất đối với sức khỏe con người trong vòng 30 năm qua.

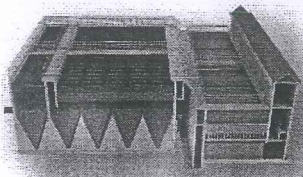
✓ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp thủy canh



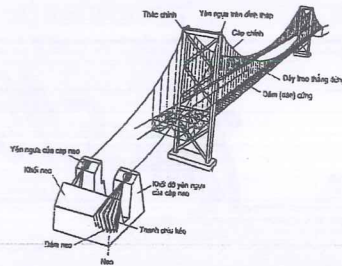
**Healthy Vegetables**  
 Cho Cuộc Sống Khỏe Mạnh Hơn

**5.3. Chuyển giao KHCN ngành nước; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước**

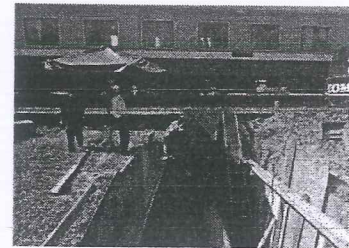
Cùng với hoạt động SXKD nước sạch, nước uống tinh khiết đóng chai; HueWACO còn đảm nhận cung cấp các sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư, thiết bị ngành nước do Công ty sản xuất hoặc phân phối sản phẩm từ các Công ty cung ứng thiết bị chuyên ngành đảm bảo chất lượng và có uy tín cao ở trong và ngoài nước.



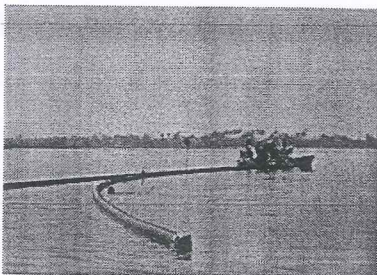
**Công nghệ lắng – lọc thông minh, chất lượng cao, thân thiện môi trường**



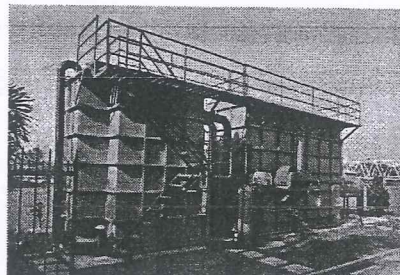
**Công nghệ cáp treo dây võng, treo ống qua sông vượt nhịp lớn, cấp nước cho vùng núi cao**



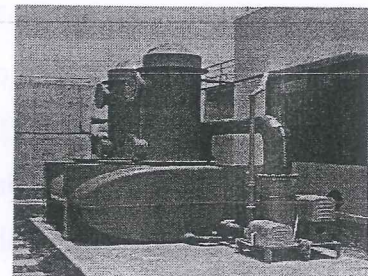
**Khoan kích ống ngầm**



**Thi công băng phá**



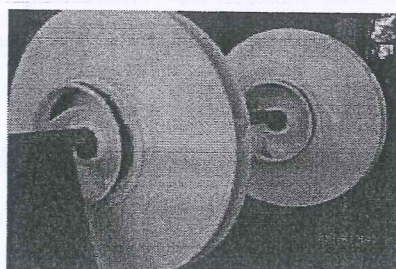
**HT xử lý nước sạch di động DAF**



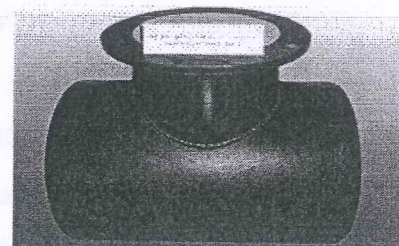
**Tháp trung hòa Clo**



**Vận hành máy dán ống DN560**



**Phục hồi, nâng cao hiệu suất bơm**



**Gia công phụ kiện ống gang dẻo**

5.4. Lập dự án đầu tư, tư vấn thiết kế và xây dựng công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn

Với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ chuyên môn, tay nghề cao và dày dặn kinh nghiệm; các công trình do HueWACO đảm nhận tư vấn, thiết kế và thi công luôn có chất lượng cao, tiến độ nhanh, giá thành thấp và đảm bảo cả về mặt mỹ thuật. Công ty đã tham gia tư vấn, khảo sát, thiết kế và thi công nhiều công trình cấp thoát nước có quy mô lớn tại trong và ngoài tỉnh. Thêm vào đó, Công ty còn tiếp nhận quản lý, vận hành công trình cấp thoát nước từ những dự án phúc lợi của tỉnh. Một số công trình tiêu biểu mà Công ty đang quản lý và sử dụng có thể kể đến như:

**Bảng 3: Một số dự án, công trình cấp nước tiêu biểu**

TT	Tên công trình	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thiết kế
1	Nhà máy nước Vạn Niên	1998	120.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
2	Nhà máy nước Quảng Tế 1	1909	50.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
3	Nhà máy nước Quảng Tế 2	2008	82.500 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
4	Nhà máy nước Phong Thu	2013	8.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
5	Nhà máy nước Hòa Bình Chương	2004	2.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
6	Nhà máy nước Tứ Hạ	1997	16.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
7	Nhà máy nước Chân Mây	2001	6.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
8	Nhà máy nước Lộc An	2012	8.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
9	Nhà máy nước Lộc Trì	2012	2.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
10	Nhà máy nước Nam Đông	2012	1.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm
11	Nhà máy nước Tà Rê (A Lưới)	2002	2.000 m <sup>3</sup> /ngày/đêm

Nguồn: HueWACO

**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Sản xuất và kinh doanh nước	346.396	77,99%	404.211	82,98%
Xây lắp	80.696	18,17%	62.468	12,82%
Lắp đặt hệ thống cấp nước	7.112	1,60%	8.255	1,69%
Nước tinh khiết Bạch Mã	9.229	2,08%	11.673	2,40%
Hoạt động khác	719	0,16%	514	0,11%
<b>Tổng cộng</b>	<b>444.151</b>	<b>100%</b>	<b>487.121</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế*

**Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Sản xuất và kinh doanh nước	76.094	17,13%	101.867	20,91%
Xây lắp	(542)	-	1.077	0,22%
Lắp đặt hệ thống cấp nước	2.630	0,59%	4.994	1,03%
Nước tinh khiết Bạch Mã	1.884	0,42%	3.407	0,70%
Hoạt động khác	54	0,01%	(36)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.120</b>	<b>18,04%</b>	<b>111.309</b>	<b>22,85%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế*

**6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

**Bảng 6: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.394.710	1.399.032	(2,02)%

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.779	75.786	172,81%
5	Lợi nhuận khác	(1.146)	(3.920)	-
6	Lợi nhuận trước thuế	26.634	71.866	169,83%
7	Lợi nhuận sau thuế	20.709	57.320	176,79%
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	-	10.655	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

**Bảng 7: Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện**

TT	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch cho Công ty TNHH Bia Huế	Năm 2014	Thu tiền theo nhu cầu sử dụng hàng tháng
2	Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch cho Công ty TNHH Laguna Việt Nam	Năm 2012	Thu tiền theo nhu cầu sử dụng hàng tháng
3	Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch cho Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	Năm 2013	Thu tiền theo nhu cầu sử dụng hàng tháng
4	Dự án cấp nước toàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Đang thực hiện	Trong đó Cty vay ADB: 35,16 triệu USD chưa kể vốn đối ứng; vốn tự có của Cty để đầu tư NM Vạn Niên: 800 tỷ và nhiều nhà máy công trình khác...
5	Dự án xây dựng tuyến ống truyền tải NM Bia Huế, bể chứa 3.200m <sup>3</sup> và trạm tăng áp Phú Bài	Năm 2015	63,074 tỷ đồng
6	Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất nước tinh khiết Bạch Mã	Năm 2015	6,832 tỷ đồng
7	Dự án nối mạng HTCN sạch Xã Hương Thọ, Thị xã Hương Trà	Năm 2014	4,500 tỷ

Nguồn: CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

## 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế là doanh nghiệp duy nhất được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế giao nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cho

toàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Với bề dày kinh doanh gần 110 năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch trên toàn tỉnh tín nhiệm.

Bên cạnh việc cung cấp nước sạch, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước uống đóng chai, nước uống I-on kiềm với chất lượng cao, khẳng định thương hiệu trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

## **7.2. Triển vọng phát triển của ngành**

- Nước sạch là mặt hàng thiết yếu của đời sống sinh hoạt và sản xuất, khi kinh tế càng phát triển thì nhu cầu sử dụng nước sạch cũng ngày càng tăng.
- Với lợi thế là thành phố du lịch, trung tâm di sản văn hóa thế giới, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trung tâm đào tạo chất lượng cao, trung tâm y tế chuyên sâu và trung tâm khoa học của cả nước, trung tâm thương mại và dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Thừa Thiên Huế với diện tích 5.063km<sup>2</sup>, dân số gần 1,2 triệu dân (số liệu thống kê năm 2014), có tốc độ đô thị hóa khá nhanh so với các tỉnh thành khác.
- Theo Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 thì Huế trong tương lai:
  - + Là đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Tây Nguyên.
  - + Là thành phố nằm trên trục giao thông quan trọng bắc – nam và trục hành lang kinh tế Đông Tây, nối cảng Chân Mây với Nam Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia, đông bắc Thái Lan và cả tiểu vùng sông Mê Kông.
  - + Là trung tâm văn hóa, du lịch, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, trung tâm đào tạo đại học và y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao của cả nước, trung tâm dịch vụ của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và Tây Nguyên.
  - + Dự kiến dân số đô thị Huế đến năm 2020 khoảng 1.356.600 người; trong đó, dân số thành thị khoảng 949,6 nghìn người, chiếm 70% dân số. Dân số lao động (15 – 59 tuổi) là 773,3 nghìn người, chiếm 57% dân số.
  - + Về phát triển công nghiệp định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh Thừa Thiên Huế tập trung xây dựng 6 KCN với diện tích 2.468,76 ha, bao gồm:
    - KCN Phú Bài thuộc địa bàn Thị xã Hương Thủy: 818,76 ha
    - KCN Phong Điền thuộc địa bàn huyện Phong Điền: 700 ha
    - KCN La Sơn thuộc địa bàn huyện Phú Lộc: 300 ha
    - KCN Tứ Hạ thuộc địa bàn huyện Hương Trà: 250 ha
    - KCN Phú Đa thuộc địa bàn huyện Phú Vang: 250 ha
    - KCN Quảng Vinh thuộc địa bàn huyện Quảng Điền: 150 ha

## **8. Chính sách đối với người lao động**

**8.1. Số lượng người lao động trong công ty**

Tính đến thời điểm 31/05/2018, tổng số lao động của Công ty là 517 người, với cơ cấu phân theo giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

**Bảng 8: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/05/2018**

TT	Trình độ	Số người
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	
1	Nam	380
2	Nữ	137
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>	
1	Trên đại học	06
2	Trình độ đại học	162
3	Trình độ cao đẳng	30
4	Công nhân kỹ thuật và tương đương	275
5	Lao động phổ thông	44

Nguồn: HueWACO

**8.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

❖ **Chính sách tuyển dụng**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng đơn vị, yêu cầu công việc, vị trí việc làm. Công ty lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để đảm bảo tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu công việc phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển của Công ty.

❖ **Chế độ làm việc**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày; 40h/tuần.

❖ **Chính sách lương**

Việc trả lương được thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc. Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Công ty quyết định trên cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm theo đúng quy định hiện hành.

❖ **Chính sách khen thưởng**

Căn cứ quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có chế độ khen thưởng thích hợp để khuyến khích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.

❖ **Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Công ty thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của chế độ chính sách nhà nước.

**Bảng 9: Mức lương bình quân qua các năm của Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	11.567.000	12.295.000	12.380.000	12.364.000

Nguồn: Huệ

### 9. Chính sách cổ tức

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2017, vì vậy không có cổ tức trong các năm trước đây.

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Trong khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định của pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### 10. Tình hình tài chính

#### 10.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### ❖ Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

#### Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 30
Máy móc và thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 21
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 10

#### ❖ Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.



**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

❖ Các khoản phải nộp theo luật định  
 Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và doanh thu của công ty trong năm hiện hành.

**Bảng 10: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

TT	Chi tiêu	31/12/2016
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.091
	Tổng cộng	4.091

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế*

❖ Trích lập các quỹ theo luật định  
 Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định pháp luật hiện hành. Tình hình trích lập của Công ty như sau:

**Bảng 11: Số dư các quỹ**

TT	Chi tiêu	31/12/2016
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.439
	Tổng cộng	14.439

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế*

❖ Tình hình công nợ  
 Tổng dư nợ vay

**Bảng 12: Cơ cấu nợ vay**

	Chi tiêu	31/12/2016
Vay và thuê tài chính ngắn hạn		7.74
Vay và thuê tài chính dài hạn		150.62
<b>Tổng cộng</b>		<b>158.36</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế*

❖ Các khoản phải thu:

**Bảng 13: Các khoản phải thu**

**THÔNG**

I				
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...
II		...	...	...
III		...	...	...
I	...	...	...	...
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...
7	...	...	...	...
8	...	...	...	...
9	...	...	...	...
10	...	...	...	...
II		...	...	...
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
III		...	...	...
IV		...	...	...

± Các k

Nguồn

10.2. Các ch

**Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,63	1,42
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,53	1,27
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,25	33,32
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	123,46	49,96
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho bình quân	vòng/năm	4,29	6,85
+ Vòng quay tổng tài sản bình quân	vòng/năm	0,39	0,35
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	4,66	11,77
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,47	7,29
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,82	4,10
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	6,25	15,56

Nguồn: Tính toán của Asean Securities dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2017  
CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

**11. Tài sản**

**11.1. Tài sản cố định hữu hình**

Giá trị TSCĐ hữu hình theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

**Bảng 16: Giá trị TSCĐ hữu hình tại thời điểm 31/12/2017**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/Nguyên giá
1	Tài sản cố định hữu hình	1.990.880	861.628	43,28%
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	257.310	160.086	62,22%
1.2	Máy móc thiết bị	108.998	35.252	32,34%

## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GT
1.3	Phương tiện vận tải, chuyên dẫn	1.617.543	663.490	
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	7.028	2.800	
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	
3	Tài sản cố định vô hình	-	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.990.880</b>	<b>861.628</b>	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước

### 11.2. Tình hình đất đai, nhà xưởng

Theo công văn số 348/STNMT-QLĐĐ ngày 21/4/2015 của Sở Tài nguyên môi trường Thừa Thiên Huế về việc rà soát cơ sở đất đai để cổ phần hóa và phê duyệt của UBND Thừa Thiên Huế tại công văn số 2462/UBND-ĐC ngày 21/5/2015 về việc phương án sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế sau khi cổ phần hóa như

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



Bảng 17: Tình hình đất đai, nhà xưởng

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công phần	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê	Phương án sử dụng đất sau công phần hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên
-----	-----------------	-----------------------------	--------------------	--------------------------------	----------------	-----------------------	-------------------------------------------------------------------

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
5	Nhà máy nước Quảng Tế 2, phường Thủy Xuân, TP. Huế	26.838,50	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Đã có quyết định thuê đất		
a	Nhà máy nước Quảng Tế 2	17.011,5	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- QĐ số 1927/QĐ-UBND ngày 27/8/2008 - Đã có GCN QSD đất	Đến 27/8/2058	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
b	Phần mở rộng nhà máy QT 2	9.827	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- QĐ số 722/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 - Đã có GCN QSD đất	Đến 27/8/2058	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
6	Khu xử lý bùn cho các NMN Quang Tế	16.451,2	Xây dựng Bể thu hồi nước rửa lọc và khu xử lý bùn	Xây dựng Bể thu hồi nước rửa lọc và khu xử lý bùn	- QĐ số 717/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/4/2013 - Đang tiến hành thủ tục cấp GCN QSD đất	Đến 27/8/2058	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
II	Thị xã Hương Thủy						
1	Nhà máy nước Phú Bài, đường Thuận Hóa, phường Phú Bài, TX Hương Thủy	8.090,6	Nhà văn phòng XNCN Hương Phú, trạm tăng áp Phú Bài	Nhà văn phòng XNCN Hương Phú, trạm tăng áp Phú Bài	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND huyện Hương Thủy (nay là TX Hương Thủy) theo biên bản ngày 09/3/2010		
a	Khu đất nhà điều hành	6.452,0			- Quyết định 2093/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 - Hợp đồng thuê đất số 88/HĐTD ngày 02/12/2015 - Giấy CNQSD đất: đang thực hiện	09/3/2060	Cho Công ty thuê đất, với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Mã chứng khoán	Tên chứng khoán	Loại chứng khoán	Số lượng	Đơn vị
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...

Đơn vị: Triệu đồng

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



HUBVACO

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
b	Trạm bơm cấp I, 03 Ngọc Trân Công Chúa	86,0	Trạm bơm cấp I	Trạm bơm cấp I	- Quyết định 1708/QĐ-UBND ngày 25/7/2016	31/12/2017	Cho thuê đất theo thời hạn hàng năm
2	Nhà máy nước Hương Phong, Xã Hương Trà	3.100,5	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Theo công văn 5243/UBND-ĐC ngày 08/10/2013 v/v đồng ý chủ trương cho thuê đất để xây dựng nhà máy xử lý nước thải - Đang tiến hành thủ tục thuê đất và cấp GCN QSD đất	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
3	Nhà máy nước Bình Thành, Xã Bình Thành, Thị xã Hương Trà	824,9	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Tiếp nhận bàn giao quản lý sử dụng từ Ban QLDAĐT XD PT NN PTNT Thừa Thiên Huế ngày 24/10/2006 - Quyết định 1511/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 59/HĐĐTĐ ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	24/10/2056	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
	Nhà				- Tiếp nhận bàn giao quản lý sử dụng từ UBND xã Bình Điền, huyện Hương Trà		



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
1	Nhà máy nước Quảng Ngạn, Xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền	3.931	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã theo biên bản ngày 21/4/2010	-	
a	Khu xử lý nước và bể chứa	931,0			Đã đo đạc	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
b	Khu giếng thu nước	3.000,0			Đã đo đạc	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
2	Nhà máy nước Quảng Công, Xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	4.767,9	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã theo biên bản ngày 21/4/2010	-	
a	Khu xử lý nước và bể chứa	1.767,9				-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
b	Khu giếng thu nước	3.000,0				-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau cơ phân hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cơ phân hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
3	Nhà máy nước Quảng An, Xã Quảng An, huyện Quảng Điền	1.456,4	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã và TT Nước sạch Nông thôn theo biên bản bàn giao ngày 11/11/2009 - Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 62/HĐTD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	11/11/2059	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
V	Huyện Phong Điền						
1	Nhà máy nước Hòa Bình Chương, Xã Phong Hòa, huyện Phong Điền	2.940	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Quyết định 1504/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 67/HĐTD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
2	Nhà máy nước Phong Thu, Xã Phong Thu, huyện Phong Điền	17.028,9					
a	Khu xử lý NMN Phong Thu	12.888,9	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 - GCN QSD đất số CT05102 cấp ngày 04/11/2014	Đến 06/01/2064	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
b	Bể chứa nước sạch, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền	4.140,0	Bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch	- QĐ số 31/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 - GCN QSD đất số CT05103 cấp ngày 04/11/2014	Đến 06/01/2064	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
3	Nhà máy nước Điện Môn, Xã Điện Môn, huyện Phong Điền	2.400	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Đất do UBND xã quản lý	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau cô phần hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cô phần hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
4	Trạm tăng áp Văn Trinh	630	Trạm bơm tăng áp	Trạm bơm tăng áp	Tiếp nhận từ TT NS và VS MT tỉnh năm 2010	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
VI	Huyện Phú Lộc						
1	Nhà máy nước Chân Mây, xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc	33.244,7	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- QĐ số 70/QĐ-KKT ngày 18/9/2013 - Hợp đồng số 45/HĐTD ngày 18/9/2013 - Giấy CNQSD đất: đang thực hiện	Đến 29/8/2051	Đề nghị công ty làm việc với BQL KKTTCM-LC để có ý kiến cụ thể
2	Nhà máy nước Cù Dù, Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	5.000	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Theo dự án cấp nước KDL Laguna - Đang tiến hành đo đạc và làm việc với BQL KKTTCM-LC	-	Đề nghị công ty làm việc với BQL KKTTCM-LC để có ý kiến cụ thể
3	Nhà máy nước Lộc Trì, Xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc	11.334,7	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- QĐ số 799/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 - GCN QSD đất: CT 01729 UBND tỉnh cấp ngày 18/7/2012	Đến 09/5/2062	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp và công ty phối hợp với UBND huyện Phú Lộc giải quyết dứt điểm các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng
4	Nhà máy nước Lộc An	31.611,6			QĐ số 800/QĐ-UBND ngày 09/5/2012		
a	Khu xử lý nước sạch	27.301,2	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- GCN QSD đất: CT 01727; UBND tỉnh cấp ngày 18/7/2012	Đến 09/5/2062	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



HUY WACO

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau cô phân hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau cô phân hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
b	Trạm bơm cấp I	1.821,4	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch. Trạm bơm cấp I	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch. Trạm bơm cấp I	- GCN QSD đất: CT 01726; UBND tỉnh cấp ngày 18/7/2012	Đến 09/5/2062	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
c	Bể chứa nước sạch	2.489,0	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch. (Bể chứa nước sạch)	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch. (Bể chứa nước sạch)	- GCN QSD đất: CT 01728; UBND tỉnh cấp ngày 18/7/2012	Đến 09/5/2062	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
5	Nhà máy nước Bền Ván, Xã Xuân Lộc, huyện Phú Lộc	1.632,1	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Tiếp nhận từ Ban QLDA NN PTNN tỉnh theo biên bản bàn giao ngày 24/10/2006 - Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 - Hợp đồng thuê đất số 66/HĐ/ĐD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đang thực hiện	24/10/2056	Cho thuê công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
6	Nhà máy nước Vinh Hiền, Xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc	207,3	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã Vinh Hiền và đơn vị biên phòng 228 theo biên bản ngày 14/1/2008 - Quyết định 2812/QĐ-UBND ngày 3/12/2015 - Hợp đồng thuê đất số 100/HĐ/ĐD ngày 31/12/2015 - Giấy CNQSD đất: đang thực hiện	-	Cho thuê công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
7	Hệ thống cấp nước xã Lộc Bình	486,36	Khu xử lý nước sạch	Khu xử lý nước sạch	- Đất sử dụng theo thỏa thuận với UBND xã và hộ dân	-	Đề nghị Công ty làm việc với UBND huyện để giải

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận quyền sở hữu	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận quyền sở hữu UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
a	NM Tân Bình	173,6			- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã Lộc Bình và TT NSNT theo biên bản ngày 22/4/2010		quyết dứt điểm các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng
	NM Hải Bình	158,76					
	NM Mai Gia Phường	154,0					
VII	Huyện Nam Đông						
1	Nhà máy nước Nam Đông, Thị trấn Khe Tre, Huyện Nam Đông	2.082,8	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Đã có quyết định thuê đất		
	a	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	- QĐ số 1489/QĐ-UBND ngày 22/7/2009	Đến 22/7/2059	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
b	Bể chứa nước sạch	1.507,4	Bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch	QĐ số 1488/QĐ-UBND ngày 22/7/2009	Đến 22/7/2059	Tiếp tục cho thuê đất theo thời hạn còn lại sau khi CPH doanh nghiệp
	2	Trạm cấp nước Hương Sơn, Xã Hương Sơn, huyện Nam Đông	416,74	Khu bể chứa + xử lý nước	Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã Hương Sơn theo biên bản ngày 25/2/2013	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
VIII	Huyện A Lưới						
1	Nhà máy nước A Lưới, Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới	4.415,6	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Tiếp quản từ UBND huyện A Lưới năm 2010 theo biên bản bàn giao ngày 20/10/2010	-	

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuê đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
a	Khu nhà điều hành	1.014,1	Văn phòng làm việc, kho vật tư	Văn phòng làm việc, kho vật tư	- Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 64/HĐTD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	25/10/2060	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
b	Khu xử lý	3.060,9	Khu xử lý nước và bể chứa nước sạch	Khu xử lý nước và bể chứa nước sạch	- Quyết định 1543/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 65/HĐTD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	25/10/2060	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
c	Khu bể chứa	340,6	Bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch	- Quyết định 1545/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 - Hợp đồng thuê đất số 63/HĐTD ngày 29/9/2015 - Giấy CNQSD đất: đã có	25/10/2060	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
2	Trạm cấp nước Đông Sơn, Xã Đông Sơn, huyện A Lưới	130	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	- Đất sử dụng theo thỏa thuận với UBND xã - Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
3	Trạm cấp nước Hồng Hạ	47,46	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã - Đất sử dụng theo thỏa thuận với UBND xã	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
4	Trạm cấp nước Hồng Thủy, xã Hồng Thủy	251,88	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã - Đất sử dụng theo thỏa thuận với UBND xã	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng sau công nhận hóa	Căn cứ pháp lý	Thời hạn sử dụng/thuế đất	Phương án sử dụng đất sau công nhận hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt
5	Trạm cấp nước Phú Vinh, xã Phú Vinh	Đang đo đạc	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã - Đất sử dụng theo thỏa thuận với UBND xã	-	Cho công ty thuê đất với thời hạn 50 năm kể từ ngày nhận bàn giao tài sản
6	Xã A Roàng, huyện A Lưới	Đang đo đạc	Trạm cấp nước xã A Roàng	Trạm cấp nước xã A Roàng	- Tiếp nhận bàn giao từ UBND xã A Roàng	-	Tiếp tục thuê đất (Khu đất chưa có trong công văn 348/STNMT-QLĐĐ ngày 21/4/2015 của Sở Tài nguyên môi trường Thừa Thiên Huế và phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
IX	Các khu đất sử dụng theo thỏa thuận						
1	Nhà máy nước Bạch Mã, Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Bạch Mã	378,78	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch	- Đất sử dụng theo BB thỏa thuận với Vườn QG Bạch Mã ngày 19/02/2013 - Xây dựng theo QĐ 3348/QĐ-UB ngày 18/12/2012	-	Cho công ty thuê đất theo thời hạn thỏa thuận giữa Vườn quốc gia Bạch Mã và Công ty
a	Khu xử lý	300,0	Khu xử lý nước	Khu xử lý nước		-	
b	Bể chứa nước sạch (Biru điện)	43,03	Bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch		-	
c	Bể chứa nước sạch (Đình, gần Hải Vong Đài)	35,75	Bể chứa nước sạch	Bể chứa nước sạch		-	

Ngoài các khu đất nêu trên, công ty còn có một số khu đất được quy hoạch để xây dựng nhà máy nước sạch và trạm trung chuyển điều áp theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tình trạng đất	Hiện trạng sử dụng
1	Lô đất tại nhà máy nước sạch Lộc Bồn	50.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới nhà máy xử lý nước; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh sạch
2	Lô đất tại KXLN Quảng Tế 3, xây dựng 2 bể chứa nước sạch	50.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới nhà máy xử lý nước; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, sạch
3	Lô đất tại Bảo tàng nước Vạn Niên	26.360 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng bảo tàng nước, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
4	Lô đất tại nhà máy xử lý nước Vạn Niên 3	90.140 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước tại Vạn Niên, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
5	Lô đất tại nhà máy xử lý nước Lộc Thủy	60.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước tại Lộc Thủy, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
6	Lô đất tại nhà máy xử lý nước Hương Vân	51.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới nhà máy xử lý nước Hương Vân, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
7	Lô đất tại nhà máy xử lý nước Chân Mây (phần mở rộng)	5.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước Chân Mây, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
8	Lô đất xây dựng nhà máy xử lý nước Điền Môn mở rộng	5.786,8 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước Điền Môn, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
9	Lô đất xây dựng nhà máy xử lý nước Cù Dù	2.500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước Cù Dù, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
10	Lô đất xây dựng trạm TCĐA Phú An	2.500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Phú An và các xã lân cận, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
11	Lô đất xây dựng nhà máy xử lý nước Thượng Long	2.500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới nhà máy xử lý nước Thượng Long, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
12	Lô đất xây dựng nhà máy xử lý nước Bình Điền	6.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới nhà máy xử lý nước Bình Điền, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
13	Lô đất xây dựng	2.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng	Xây dựng nhà máy xử lý



TT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tình trạng đất	Hiện trạng sử dụng
	nhà máy xử lý nước A Lưới mở rộng		năm, chưa có hợp đồng thuê đất	nước A Lưới mở rộng, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
14	Lô đất xây dựng nhà máy xử lý nước A Đốt	10.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng nhà máy xử lý nước A Đốt, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
15	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Sịa	8.100 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Sịa, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
16	Lô đất xây dựng Trạm Quảng Công	3.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Quảng Công, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
17	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Thủy Phương	3.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Thủy Phương, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
18	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Châu Sơn	10.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Châu Sơn, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
19	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Tam Tây	2.500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Tam Tây, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
20	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Tam Tây	2.500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Tam Tây, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
21	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Châm	500 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Châm, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
22	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Vinh Hưng	5.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Vinh Hưng, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
23	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Vinh Xuân	5.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Vinh Xuân, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
24	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Phú Xuân	3.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Phú Xuân, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
25	Lô đất xây dựng Trạm TCĐA Hương Toàn	5.000 m <sup>2</sup>	Đất thuê, trả tiền hàng năm, chưa có hợp đồng thuê đất	Xây dựng mới trạm TCĐA Hương Toàn, Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

Nguồn: HueWACO

### 11.3. Tài sản dở dang dài hạn

Bảng 18: Giá trị tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Mua sắm	-	-
2	Xây dựng cơ bản		
-	Chi phí đầu tư mới các tuyến ống chính, ống nhánh và công trình phục vụ hệ thống cấp nước	86.774	91.581
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.774</b>	<b>91.581</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

## 12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

### 12.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018 (*)	
		Kế hoạch	% tăng giảm 2018 so với 2017
Vốn điều lệ (triệu đồng)	876.000	876.000	-
Doanh thu thuần (triệu đồng)	487.121	514.500	5,62%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	57.320	58.400	1,88%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	11,77	11,35	(0,42)%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	6,54	6,67	0,13%
Cổ tức (%)	-	6,00	-

Nguồn: HueWACO

(\*) Số liệu kế hoạch kinh doanh năm 2018 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua

### 12.2. Căn cứ để đặt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

➤ *Giải pháp về tài chính – vốn*

Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2018 về SXKD, chiến lược đầu tư xây dựng cơ bản, dự kiến kế hoạch vay vốn và trả nợ các dự án, Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế xây dựng phương án tài chính của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Bảng 20: Phương án tài chính thực hiện kế hoạch SXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến 2018
A	Tài sản	Trđ	2.044.000
I	Tài sản ngắn hạn	Trđ	324.122
II	Tài sản dài hạn	Trđ	1.719.878

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến 2018
B	Nguồn vốn	Trđ	2.044.000
I	Nợ phải trả	Trđ	1.174.000
II	Vốn chủ sở hữu	Trđ	876.000

Nguồn: HueWACO

Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển của Công ty cổ phần Cấp nước TT. Huế trong giai đoạn từ 2016 – 2018 cần khoảng 1.042 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển, Công ty huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thông qua các hình thức vay vốn và vốn tự có.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đứng ra bảo lãnh cho Công ty vay vốn của tổ chức quốc tế là Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng hệ thống Cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn (2011 – 2020), có tính đến 2030.

➤ **Giải pháp về kỹ thuật – Khoa học công nghệ**

- Chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, thành lập Quỹ KHCN, bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyên nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới; Khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ mới, các giải pháp mới, giải quyết các vấn đề phát sinh trong SXKD của Công ty và khách hàng;... Đăng ký đề tài tham gia Giải thưởng sáng tạo KHCN và Hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung ương.
- Quản lý thông minh HTCN: nâng cao hiệu quả công tác quản lý và vận hành, tối ưu hóa quá trình xử lý nước, điều vận, cung cấp nước với việc. Xây dựng Trung tâm điều khiển hiện đại có màn hình điện tử hiển thị thông tin áp lực, chất lượng nước với hệ thống SCADA và GIS sẽ giám sát, chẩn đoán, điều khiển từ xa toàn bộ hoạt động của Công ty. Đồng thời xây dựng chương trình quản lý tổng thể ERP về quản lý khách hàng, hoá đơn, tài chính kế toán, vật tư, nhân sự, quản lý vận hành các nhà máy nước và mạng đường ống cấp nước.
- Lập kế hoạch và lộ trình giảm thiểu NRW gồm các khu vực cấp nước an toàn bền vững, hiệu quả trong 5 năm (2015-2020), thay đồng hồ cấp B bằng đồng hồ cấp C; phấn đấu mỗi năm giảm 1%, đến năm 2020 đạt tỷ lệ ở mức thấp nhất trong cả nước và nằm trong top các công ty cấp nước có tỷ lệ thất thoát thấp.
- Thực hiện Chương trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các nhà máy ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường.

➤ **Giải pháp về quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

- Kiện toàn bộ máy tinh gọn; Sau cổ phần hóa Công ty sẽ tiến hành Cổ phần các XN Xây lắp; XN NUĐC Bạch Mã, XN QL&KĐ Đồng hồ... nhằm đáp ứng nhu cầu công việc, nhất là thực hiện Dự án ADB; Tái cơ cấu các bộ phận, bố trí, sắp xếp cán bộ đúng việc, đúng chức năng nhiệm vụ,

đổi mới quy trình quản lý, công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. – Phát huy hiệu quả ISO 9001:2008; ISO/IEC 17025, ISO 14000, tích cực áp dụng triết lý Kaizen và 5S; Hoàn thiện các quy trình quản lý, quy trình tác nghiệp. Đổi mới phương pháp và tư duy, tăng cường kinh tế tri thức, làm việc để nâng cao NSLĐ; 100% các bộ phận khoán chi phí, khoán lương theo sản phẩm và công việc, các Xí nghiệp thực hiện hạch toán báo sổ; Thực hiện kiểm toán nội bộ; Xây dựng, theo dõi việc thực hiện ngân sách hàng tháng, hàng quý, nâng cao quản lý hoạt động thu chi, quản trị dòng tiền. Đẩy mạnh hiệu quả công tác Quản lý tài sản, xây dựng CSDL, tài liệu và các văn bản liên quan về chuyên môn, kỹ thuật, pháp luật...

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý: Hoàn thiện chương trình quản lý sản xuất (MIS); Ứng dụng chương trình quản lý XDCB; Hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự (tích hợp thêm module thanh toán tiền lương); Xây dựng phần mềm theo dõi dòng tiền vào ra; Phần mềm bảo trì máy móc thiết bị; Ứng dụng phần mềm FMECA trong quản lý tài sản nhà máy; Xây dựng chương trình quản lý văn thư – lưu trữ...
  - Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng đến năm 2020: giải quyết kịp thời, thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng. Triển khai chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử, văn phòng điện tử, đa dạng hóa các hình thức thu tiền nước như: hoàn thiện hệ thống quầy thu toàntỉnh, thực hiện chấm điểm chất lượng dịch vụ của nhân viên và các thủ tục hành chính liên quan thông qua màn hình cảm ứng tại quầy, nhờ thu qua ngân hàng, bưu điện văn hóa xã,... Nâng cấp Website chăm sóc khách hàng và Trung tâm CSKH (Call Center) đạt đẳng cấp khu vực châu Á.
  - Đa dạng hóa sản phẩm: Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động SXKD NUĐC Bạch Mã; phát triển dịch vụ lắp đặt nước nội thất; Xây dựng các cửa hàng vật tư; cung ứng dịch vụ phân tích xét nghiệm nhanh. Tổ chức quảng bá, giới thiệu và chuyển giao các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến với tất cả các công ty cấp nước trên toàn quốc và các khách hàng có nhu cầu.
  - Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV: Đào tạo cơ bản, chuyên sâu, đào tạo chuyên gia, đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo nước ngoài, tập trung đào tạo ở những ngành nghề còn thiếu như: Cấp thoát nước, Xây dựng, điện và cao học, đảm bảo tỷ lệ hài hòa giữa đại học, trung cấp và CNKT; Thi tuyển chức danh nội bộ; Đăng ký dự Hội thi tay nghề ASEAN, đào tạo và đăng bạ từ 3-4 kỹ sư Asean; Xây dựng Trung tâm đào tạo hướng đến đào tạo bên ngoài.
- **Các giải pháp khác**
- Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, trở thành động lực, mục tiêu của công ty, tạo chất keo kết dính giữa cá nhân và Công ty, góp phần xây dựng nguồn nhân lực mang bản sắc, nét đặc trưng HueWACO.
  - Tăng cường đối ngoại quốc tế: thành lập Ban Hội nhập và phát triển, đẩy mạnh hợp tác với JICA (Nhật), VEI (Hà Lan), Seoul Water, KOTRA, K-Water (Hàn Quốc), Aquasitance (Pháp),

Deviwas (Đức), Úc,...; Thực hiện hiệu quả dự án JICA giai đoạn 3; Tiếp tục ký kết hợp tác 4 bên giai đoạn 2015-2018; Hợp tác kết nghĩa với Cục nước Seoul – Hàn Quốc; Tham gia tích cực Hiệp hội các công ty nước Đông Nam Á – SEAWUN, WaterLink, Hiệp hội nước quốc tế IWA...

### 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

### 14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

#### 14.1. Khó khăn, thách thức

- HueWACO phải thực hiện cấp nước cả đô thị và nông thôn, tỷ trọng cấp nước nông thôn chiếm tỷ lệ cao (47,38%) trong khi suất đầu tư khu vực miền núi và nông thôn cao (gấp 3,0 lần, giá thành cao gấp 2,0 lần so với đô thị trong khi lượng nước tiêu thụ ít (miền núi: 4m<sup>3</sup>, nông thôn: 7m<sup>3</sup>, đô thị: 14m<sup>3</sup>/hộ/tháng). Trong 10 năm qua, đã bù chèo cho giá nước sinh hoạt trên 291 tỷ đồng, năm 2016 hơn 68 tỷ đồng; dự kiến trong 5 năm đến là 519 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước cổ phần thấp (2%), khó thu hút các nhà đầu tư.
- Hệ thống cấp nước HueWACO đã đầu tư trên 20 năm, chưa đồng bộ, nhiều NM và tuyến ống xuống cấp, thiếu công suất. Để phát triển cấp nước, đảm bảo CNAT và an ninh nước, công ty phải đẩy mạnh đầu tư, tổng tài sản tăng từ 44 tỷ (1995) lên 1.574 tỷ, tăng hơn 35,8 lần, các chi phí: quản lý, khấu hao, sửa chữa và duy tu bảo dưỡng tài sản tăng nhanh, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD và đầu tư của công ty.
- Để đáp ứng nhu cầu cấp nước toàn tỉnh, Công ty phải vay vốn từ dự án ADB (35,16 triệu USD) đầu tư 700km đường ống, kết hợp triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 -2020 (gồm 16 dự án với tổng mức đầu tư 197 tỷ đồng, trong đó khấu hao tài sản nhận nợ; thuê tài sản của tỉnh và nguồn cổ tức tạm tính của phần vốn Nhà nước tại Công ty là 175 tỷ đồng), đầu tư xây dựng mới nhà máy Vạn Niên 3 (công suất 120.000 m<sup>3</sup> ngày/đêm, tổng mức đầu tư 794 tỷ đồng), điều này đã và đang gây áp lực lớn đến hiệu quả SXKD trong thời gian đến.

#### 14.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Phát triển, mở rộng hệ thống cấp nước, phấn đấu đưa tỷ lệ người dân dùng nước sạch từ 83% lên trên 95% vào năm 2020 (100% dân cư đô thị và trên 80% dân cư khu vực nông thôn) cấp nước an toàn và ngon theo tiêu chuẩn Châu Âu và Nhật Bản, là tiêu chí góp phần xây dựng quê hương hạnh phúc. Xây dựng HTCN thông minh, bền vững, hiệu quả, đảm bảo an toàn an ninh nguồn nước cho tỉnh Thừa Thiên Huế, cấp nước trong điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu toàn cầu đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch toàn tỉnh đến năm 2020, có tính đến 2030, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tạo cơ sở hạ tầng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu CNH-HĐH và phát triển KT-XH của tỉnh.
- Bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm tăng bình quân trên

3%/năm (giai đoạn 2017-2018); Nâng tổng công suất từ 200.000m<sup>3</sup> lên 320.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thi công 710km đường ống từ DN50-DN1200; Giảm tỷ lệ NRW (thất thoát thất thu nước) hàng năm 1%. NSLĐ tăng tối thiểu 8%/năm. Mở rộng ngành nghề hoạt động nhất là các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Huy động tốt các nguồn vốn, phân kỳ các giai đoạn đầu tư hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển, giá nước phù hợp khả năng chi trả của người dân và kế hoạch trả nợ dự án ADB.
- Tập trung đầu tư, đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả cao, tiến đến cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng; đảm bảo an ninh nước sạch, cấp nước trong điều kiện thiên tai, biến đổi khí hậu,... giữ vững cấp nước an toàn, phấn đấu công bố cấp nước an toàn và ngon toàn mạng vào năm 2020.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, khoa học quản lý và khoa học công nghệ để hội nhập khu vực và thế giới; tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần CBCNV.

**15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty**

- Không có.

**II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Bảng 21: Danh sách HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>A. Hội đồng quản trị</b>			
1	Trương Công Nam	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Trương Công Hân	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
3	Trần Văn Thọ	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
4	Dương Quý Dương	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
5	Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	Trương Minh Châu	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
7	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
<b>B. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng</b>			
1	Trương Công Hân	Tổng Giám đốc	
2	Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
3	Dương Quý Dương	Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
5	Trương Minh Châu	Kế toán trưởng	
<b>C. Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng ban	
2	Nguyễn Ái Minh	Thành viên	
3	Vũ Xuân Thức	Thành viên	

Nguồn: HueWACO

### A. Hội đồng quản trị

#### 1. Ông Trương Công Nam

- Họ và tên : **Trương Công Nam**
- Ngày tháng năm sinh : 20/08/1961
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 190052006 cấp ngày 24/10/2007 tại Công an tỉnh TT. Huế
- Địa chỉ thường trú : Số 66 Phan Văn Trường, phường Võ Dạ, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học kinh tế Huế
- Quá trình công tác
- Từ 07/1979 – 09/1983 : Ủy viên Ban chấp hành Đoàn thanh niên Đồn biên phòng 144 Bình Trị Thiên
- Từ 10/1983 – 08/1987 : Tổ trưởng tổ Đảng – Sinh viên trường đại học tổng hợp Huế
- Từ 09/1987 – 12/1992 : Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
- Từ 01/1993 – 08/1996 : Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm chủ tịch Công đoàn
- Từ 08/1996 – 11/2005 : Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm Bí thư chi bộ
- Từ 12/2005 – 12/2016 : Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH NN

MTV Xây dựng và Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2017 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 296.800 cổ phần, chiếm 0,34% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu vốn UBND tỉnh Thừa Thiên Huế : 31.278.300 cổ phần, chiếm 35,71% VDL

Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan :

- Trương Công Thưởng (Anh trai): 20.200 cổ phần (chiếm 0,02% VDL)**  
Số CMND: 190188054 cấp ngày 29/05/2008 tại Công an TT. Huế
- Trương Công Mỹ (Em trai): 196.400 cổ phần (chiếm 0,22% VDL)**  
Số CMND: 024074737 cấp ngày 19/09/2002 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Trương Thị Ngân (Em gái): 28.700 cổ phần (chiếm 0,03% VDL)**  
Số CMND: 190191722 cấp ngày 18/02/2014 tại Công an TT. Huế

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**2. Ông Trương Công Hân**

Họ và tên : **Trương Công Hân**

Ngày tháng năm sinh : 30/05/1982

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 191473086 cấp ngày 16/06/2010 tại Công an tỉnh TT. Huế

Địa chỉ thường trú : Số 21 Ngô Quyền, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học kinh tế Huế



- Quá trình công tác :
- Từ 07/2004 – 05/2006 : Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
- Từ 06/2007 – 09/2008 : Phó Phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 10/2008 – 05/2010 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 06/2010 – 11/2014 : Phó bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 – 2015); Ủy viên BCH Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Đại biểu HĐND thành phố Huế nhiệm kỳ 2011 – 2016.
- Từ 12/2014 – 12/2016 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế
- Từ 01/2017 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 01/2017 – nay : Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 69.300 cổ phần, chiếm 0,08% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu UBND tỉnh Thừa Thiên Huế : 11.652.700 cổ phần, chiếm 13,30% VDL
- Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan : **Trương Công Hòa (Anh trai): 54.700 cổ phần (chiếm 0,06% VDL)**  
Số CMND: 191341445 cấp ngày 13/05/2010 tại Công an tỉnh TT. Huế
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**3. Ông Trần Văn Thọ**

- Họ và tên : **Trần Văn Thọ**
- Ngày tháng năm sinh : 25/09/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 191423321 cấp ngày 22/08/2016 tại Công an tỉnh TT. Huế

Địa chỉ thường trú	:	Số 7/35 Hoàng Diệu, phường Tây Lộc, thành phố Huế
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, kỹ sư cấp thoát nước
Quá trình công tác	:	
Từ 10/2002 – 03/2003	:	Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
Từ 04/2003 – 03/2004	:	Nhân viên phòng Thiết kế Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
Từ 12/2007 – 12/2008	:	Trưởng phòng thiết kế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
Từ 12/2008 – 12/2016	:	Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
Từ 01/2017 – nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
Từ 01/2017 – nay	:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018		
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân</i>	:	<i>134.900 cổ phần, chiếm 0,15% VĐL</i>
<i>Số cổ phần đại diện sở hữu UBND tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	:	<i>6.133.000 cổ phần, chiếm 7,00% VĐL</i>
<i>Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan</i>	:	<i>Nguyễn Thị Quỳnh Anh (Vợ): 100.800 cổ phần (chiếm 0,12% VĐL)</i> <i>Số CMND: 191557416 cấp ngày 19/09/2009 tại Công an tỉnh TT. Huế</i> <i>Nguyễn Hữu Cừ (Bố vợ): 178.200 cổ phần (chiếm 0,20% VĐL)</i> <i>Số CMND: 190043063 cấp ngày 30/10/2010 tại Công an tỉnh TT. Huế</i> <i>Trần Thị Phương Thảo (chị gái): 95.200 cổ phần (chiếm 0,11% VĐL)</i>

Số CMND: 191402357 cấp ngày 10/04/2006  
tại Công an tỉnh TT. Huế

**Trần Văn Viễn (Em trai): 63.300 cổ phần  
(chiếm 0,07% VDL**

Số CMND: 191491375 cấp ngày 25/02/2015  
tại Công an tỉnh TT. Huế

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**4. Ông Dương Quý Dương**

Họ và tên : **Dương Quý Dương**

Ngày tháng năm sinh : 22/10/1978

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 191436826 cấp ngày 24/02/2012 tại Công an tỉnh TT. Huế

Địa chỉ thường trú : Số 4/118 Nguyễn Lộ Trạch, phường Xuân Phúc, tỉnh Thừa Thiên Huế

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh Đại học kinh tế Huế

Quá trình công tác :

Từ 10/2000 – 11/2003 : Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế

Từ 12/2003 – 12/2007 : Phó phòng Hành chính – Pháp chế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2008 – 02/2011 : Phó phòng lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 03/2011 – 09/2014 : Trưởng phòng Lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 10/2014 – 12/2016 : Trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2017 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực CTCP Cấp nước

Từ 01/2017 – nay : Thừa Thiên Huế  
 : Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 45.200 cổ phần, chiếm 0,05% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu UBND tỉnh Thừa Thiên Huế : 6.133.000 cổ phần, chiếm 7,00% VĐL

Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan : Lê Thị Thu Hiền (Vợ): 6.200 cổ phần (chiếm 0,01% VĐL)

Số CMND: 191432009 cấp ngày 11/09/2014 tại Công an tỉnh TT. Huế

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**5. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn**

Họ và tên : Nguyễn Mạnh Tuấn

Ngày tháng năm sinh : 10/10/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 190018821 cấp ngày 12/09/2014 tại Công an tỉnh TT. Huế

Địa chỉ thường trú : Số 72 Lê Viết Lượng, phường Xuân Phú, thành phố Huế

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thiếu úy sỹ quan dự bị, khoa thông tin Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Quá trình công tác :

Từ 07/1986 – 07/1987 : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Dệt Phú Xuân

Từ 07/1987 – 05/1988 : Phân xưởng trưởng Phân xưởng điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân.

Từ 05/1988 – 07/1989 : Quản đốc Phân xưởng cơ điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân

Từ 08/1989 – 08/1994 : Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty

	Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
Từ 09/1994 – 12/1999	: Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - vật tư Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
Từ 01/2000 – 12/2005	: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế
Từ 12/2005 – 12/2016	: Phó Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế
Từ 01/2017 – nay	: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không có
Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018	
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân</i>	: <i>68.700 cổ phần, chiếm 0,08% VDL</i>
<i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	: <i>0 cổ phần</i>
<i>Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan</i>	: <i>Nguyễn Ngọc Bảo (Con đẻ): 5.900 cổ phần (chiếm 0,01% VDL)</i>
	<i>Số CMND: 191622781 cấp ngày 10/06/2003 tại Công an tỉnh TT. Huế</i>
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không có

**6. Ông Trương Minh Châu**

Họ và tên	: <b>Trương Minh Châu</b>
Ngày tháng năm sinh	: 31/10/1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Số CMND	: 191370580 cấp ngày 10/06/2008 tại Công an tỉnh TT. Huế
Địa chỉ thường trú	: Số 9/6/23 Nhật Lệ, phường Thuận Thành, thành phố Huế
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán Đại học kinh tế Huế
Quá trình công tác	:
Từ 10/1999 – 09/2008	: Nhân viên kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
Từ 10/2008 – 12/2009	: Phó phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2010 – 08/2012 : Phó phòng Kế toán kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.

Từ 09/2012 – 12/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2017 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Từ 01/2017 – nay : Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 65.900 cổ phần, chiếm 0,08% VDL

Số cổ phần đại diện sở hữu UBND tỉnh Thừa Thiên Huế : 6.133.000 cổ phần, chiếm 7,00% VDL

Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan : **Lê Thị Hoàng Anh (Vợ): 34.800 cổ phần (chiếm 0,04% VDL)**

Số CMND: 191463217 cấp ngày 23/04/2015 tại Công an tỉnh TT. Huế

**Trương Thị Dạ Thảo (Em gái): 28.400 cổ phần (chiếm 0,03% VDL)**

Số CMND: 191498307 cấp ngày 10/12/2013 tại Công an tỉnh TT. Huế

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**7. Ông Vũ Anh Tuấn**

Họ và tên : **Vũ Anh Tuấn**

Ngày tháng năm sinh : 18/12/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND/Hộ chiếu : B3416933 cấp ngày 17/9/2009 tại Cục quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú : 80A đường Huỳnh Hữu Thống, thành phố Tân An, tỉnh Long An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Xây dựng dân dụng và công nghiệp Đại học Xây dựng Hà Nội

Quá trình công tác :

Từ 1997 – 2008 : Cán bộ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam

Từ 2008 – 2015 : Phó Giám đốc Công ty Sông Đà Thăng Long

Từ 2015 – nay : Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An

Từ 01/2017 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An

Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu của CTCP : 10.790.909 cổ phần, chiếm 12,32% VDL

Nhựa Đồng Nai và CTCP Nhựa Đồng Nai

Miền Trung

Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người : Không có

có liên quan

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**B. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

(Danh sách và Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng xem phần Sơ yếu lý lịch của các thành viên HĐQT)

**C. Ban Kiểm soát**

**1. Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc**

Họ và tên : Nguyễn Thị Liên Ngọc

Ngày tháng năm sinh : 30/07/1978

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND/Hộ chiếu : 191382121 cấp ngày 03/06/2011 tại Công an tỉnh TT. Huế

Địa chỉ thường trú : Số 61 La Sơn Phu Tử, phường Tây Lộc, thành phố Huế

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán Đại học kinh tế Huế

Quá trình công tác :

Từ 08/2000 – 08/2001 : Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế

- Từ 09/2001 – 01/2006 : Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 02/2006 – 03/2007 : Nhân viên xí nghiệp xây dựng cơ bản Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 04/2007 – 11/2011 : Nhân viên phòng kế toán Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 12/2012 – 12/2016 : Đảng ủy viên, Kiểm soát viên Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế
- Từ 01/2017 – nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 101.700 cổ phần, chiếm 0,12% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan : **Nguyễn Đăng Bình (Chồng): 95.200 cổ phần (chiếm 0,11% VĐL)**

Số CMND: 191344588 cấp ngày 24/10/2012 tại Công an tỉnh TT. Huế

**Nguyễn Thị Liên (Mẹ đẻ): 39.000 cổ phần (chiếm 0,04% VĐL)**

Số CMND: 190052384 cấp ngày 25/06/2007 tại Công an tỉnh TT. Huế

**Nguyễn Liên Minh (Em trai): 195.900 cổ phần (chiếm 0,22% VĐL)**

Số CMND: 191423024 cấp ngày 27/10/2016 tại Công an tỉnh TT. Huế

**Trần Huỳnh Quỳnh Như (Em dâu): 142.900 cổ phần (chiếm 0,16% VĐL)**

Số CMND: 191678019 cấp ngày 22/02/2005 tại Công an tỉnh TT. Huế

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

## 2. Bà Nguyễn Ái Minh



Họ và tên : **Nguyễn Ái Minh**  
 Ngày tháng năm sinh : 09/04/1988  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Số CMND/Hộ chiếu : 191634404 cấp ngày 01/08/2003 tại Công an tỉnh TT. Huế  
 Địa chỉ thường trú : Số 39 Lê Hồng Phong, phường Phú Nhuận, thành phố Huế  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán – tài chính Đại học Kinh tế Huế  
 Quá trình công tác :  
 Từ 10/2010 – 12/2016 : Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế  
 Từ 01/2017 – nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế  
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có  
 Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018  
*Số cổ phần sở hữu cá nhân* : 15.000 cổ phần, chiếm 0,02% VDL  
*Số cổ phần đại diện sở hữu* : 0 cổ phần  
*Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan* : Không có  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**3. Ông Vũ Xuân Thức**

Họ và tên : **Vũ Xuân Thức**  
 Ngày tháng năm sinh : 05/02/1982  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Số CMND/Hộ chiếu : 013329827 cấp ngày 18/08/2010 tại Công An Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 97, ngõ 358 Bùi Xương Trạch, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế đối ngoại  
 Quá trình công tác :  
 Từ 01/2017 – nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân và người có liên quan tại thời điểm 06/06/2018
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu của Công ty : 2.293.018 cổ phần, chiếm 2,62% VDL  
TNHH Cơ điện Hawaco
- Số CP nắm giữ tại 06/06/2018 của người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**D. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Công ty cam kết tuân thủ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

Hiện cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chưa đáp ứng tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Bên cạnh đó, trưởng Ban kiểm soát không làm việc chuyên trách tại Công ty. Ngoài ra, Ban kiểm soát của Công ty có thành viên đang làm việc tại bộ phận kế toán, tài chính. Vì vậy, Công ty sẽ cơ cấu lại thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian tới.

Trường hợp Điều lệ Công ty chưa tuân thủ các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng, Công ty sẽ rà soát và bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

**III. PHỤ LỤC**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2018

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Trương Công Nam**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Thanh Bình*



